

Số: **300** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 24 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tuy Đức đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ, về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ, về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 1942/QĐ-TTg ngày 22/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông, về trình tự lập, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 04/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ dự toán dự án Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tuy Đức đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 05/TTr-SKH-THQH ngày 12/01/2017 và Báo cáo thẩm định số 337/BCTĐ ngày

15/01/2017 của Hội đồng thẩm định dự án Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tuy Đức đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tuy Đức đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Định hướng, quan điểm và mục tiêu phát triển

1.1. Định hướng phát triển

- Khai thác tối đa, có hiệu quả nguồn nội lực và thu hút các nguồn ngoại lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

- Từng bước thực hiện đô thị hóa và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng trên địa bàn.

- Chú trọng đầu tư phát triển kinh tế ở vùng biên giới, cửa khẩu gắn với tăng cường đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế với huyện Ou Reang, tỉnh Monduliri, (Vương quốc Campuchia), tạo nguồn nguyên liệu huyện Tuy Đức với huyện Ou Reang.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế.

1.2. Quan điểm

- Tập trung ổn định chính trị, củng cố an ninh - quốc phòng; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh gắn với xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về thu nhập trung bình của huyện so với thu nhập trung bình của Tỉnh.

- Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Điều chỉnh bổ sung quy hoạch kinh tế xã hội huyện Tuy Đức bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông, quy hoạch vùng Tây Nguyên, vùng biên giới Campuchia và các quy hoạch khác có liên quan.

1.3. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

- Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự an toàn xã hội; xây dựng hạ tầng thiết yếu về kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực. Tăng cường đầu tư phát triển đô thị, từng bước hiện đại kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế, chú trọng phát triển y tế, giáo dục, nâng cao đời sống của nhân dân.

- Từng bước phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục đẩy mạnh phát triển các cây trồng chủ lực như: Cà phê, cao su, hồ tiêu, khoai lang,... theo hướng nâng cao năng suất các loại cây trồng. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản xuất các ngành phi nông nghiệp và giảm dần tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp trong tổng giá trị sản xuất của huyện.

b) Các mục tiêu phát triển cụ thể

*** Mục tiêu kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm (theo giá so sánh 2010) từ 10 - 11% trong cả thời kỳ quy hoạch; trong đó thời kỳ 2015 – 2020 khoảng 10,86%, thời kỳ 2021 – 2025 là 10,63%. Giá trị sản xuất bình quân đầu người (giá so sánh 2010) đến năm 2020 là 48,27 triệu đồng và đến năm 2025 đạt 69,68 triệu đồng.

- Về cơ cấu kinh tế: Chuyển dịch mạnh và hình thành theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản xuất các ngành nghề phi nông nghiệp và giảm dần tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện. Phân đầu:

+ Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế huyện đạt tỉ trọng các ngành như sau: Nông lâm thủy sản 75-76%, Công nghiệp - xây dựng 8 - 9%, Thương mại - dịch vụ 15-16%; Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế huyện đạt tỉ trọng các ngành như sau: Nông lâm thủy sản 65-66%, Công nghiệp - xây dựng 10-11%, Thương mại - dịch vụ 24-25%.

+ Thời kỳ 2015-2020: giá trị sản xuất tăng bình quân 10,86%/năm, trong đó công nghiệp – xây dựng tăng 16%, nông lâm nghiệp tăng 9,28%, dịch vụ tăng 19,8%. Cơ cấu kinh tế của huyện (theo giá hiện hành) với tỉ trọng các ngành là: Nông, lâm, thủy sản 75,82%, Công nghiệp - xây dựng 8,4% và Dịch vụ 15,79%.

+ Thời kỳ 2021-2025: giá trị sản xuất tăng bình quân 10,63%/năm, trong đó, nông lâm thủy sản tăng 8,2%, Công nghiệp - xây dựng tăng 16,5% và dịch vụ tăng 19,09%. Cơ cấu kinh tế của huyện với tỉ trọng các ngành là: Nông, lâm, thủy sản 65,39%, Công nghiệp - xây dựng 10,19%, Dịch vụ 24,41%.

- Phân đầu mức thu ngân sách trên địa bàn (theo giá hiện hành) tăng bình quân 10 -11%/năm giai đoạn 2016 - 2020 và 14 - 16%/năm giai đoạn 2021 – 2025.

*** Các mục tiêu xã hội**

- Phân đầu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn khoảng 1% năm 2025.

- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, công tác xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm cho người lao động. Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) giảm xuống dưới 15%; trong đó tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm xuống dưới 26,1%.

- Giải quyết việc làm mới cho khoảng 1.600 - 1.800 lao động/năm, tích cực đào tạo đội ngũ lao động tại chỗ, đồng thời có chính sách thích hợp để thu hút thêm nguồn lao động từ bên ngoài.

- Duy trì phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở; Đến năm 2020, trên địa bàn huyện có 13 trường mầm non, tiểu học có 17 trường, Trung học cơ sở có 08 trường, Trung học phổ thông có 01 trường; số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 là 08 trường, số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 03 trường.

- Đến năm 2020, tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế là 85,71% và đạt 100% vào năm 2025; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện là 82,76% và đến năm 2025, tỷ lệ này đạt trên 90%.

- Về văn hóa: Đến năm 2020, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 78%; thôn, bon văn hóa đạt 76,5%; cơ quan, đơn vị văn hóa đạt 97%; phần đầu có từ 2 xã đạt tiêu chuẩn văn hóa. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 90%; thôn, bon văn hóa đạt 80%; cơ quan, đơn vị văn hóa đạt 100%; phần đầu có từ 3 xã đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng - an ninh, giảm tối đa các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy và tai nạn giao thông.

- Bảo đảm nước sinh hoạt cho dân cư, đưa tỉ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2020 đạt 79%; đến năm 2025 phần đầu nâng tỉ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 90%.

- Các tiêu chí về nông thôn mới: Phần đầu đến năm 2020 các xã đạt 16 tiêu chí trở lên, riêng đối với xã điểm đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới. Đến năm 2025, các xã trên địa bàn cơ bản hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới.

- Hoàn thiện về cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, nước sạch; phần đầu đến năm 2025 100% hộ dân được xem truyền hình và được nghe đài phát thanh.

* Mục tiêu bảo vệ môi trường

- Tỷ lệ che phủ của rừng đạt 45% đến năm 2020.

- Đẩy mạnh công tác quản lý, thu gom và xử lý nước thải ở xã, thị tứ, cụm dân cư; đến năm 2025 bảo đảm trên 80% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường.

2. Nội dung quy hoạch

2.1. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế

a) Ngành nông nghiệp

- Bảo đảm tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp hàng năm đạt 8,74% trong cả thời kỳ 2015 - 2025.

- Cơ cấu giá trị nội bộ ngành nông nghiệp giữa trồng trọt - chăn nuôi - dịch vụ nông nghiệp có sự thay đổi tích cực: Đến năm 2020 tỷ lệ này là 89,19% - 8,04% - 2,77%; năm 2025 là 76,35% - 17,37% - 6,28%.

- Phần đầu đạt giá trị sản xuất bình quân trên một đơn vị diện tích đất canh tác từ 50 - 55 triệu đồng/ha vào năm 2020 và trên 70 triệu đồng/ha vào những năm tiếp theo.

* Về trồng trọt

Là ngành chủ lực của ngành nông lâm, thủy sản của huyện với những cây chủ lực như: cà phê, tiêu, cao su, ngô, khoai lang và lúa nước và định hướng phát triển thêm cây mắc ca. Tập trung xây dựng một số vùng chuyên canh, ứng dụng công nghệ cao cho các loại cây trồng như: cà phê, tiêu, ngô, khoai lang, rau - hoa, sản xuất giống cây trồng và cây ăn quả.

* Về chăn nuôi

Đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, hoàn thành cơ bản giết mổ tập trung và kiên quyết di dời các cơ sở chăn nuôi, giết mổ ra khỏi khu dân cư trong giai đoạn tới. Đến năm 2020, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia cầm và heo nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tại chỗ khoảng 60 - 70%, đồng thời xuất bán bò ra thị trường khoảng 40% tổng đàn. Đến năm 2025, đẩy mạnh phát triển các loại vật nuôi chủ lực, phần đầu chăn nuôi heo đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu thụ tại chỗ và đàn bò xuất bán ra thị trường khoảng 60% tổng đàn.

* Về Lâm nghiệp

- Tăng độ che phủ rừng, đưa lâm nghiệp trở thành ngành có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế của huyện, góp phần xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường.

- Phát triển hợp lý rừng phòng hộ, rừng sản xuất, trong đó tập trung bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh đối với rừng phòng hộ, ưu tiên đầu tư trồng mới cho phát triển rừng sản xuất.

* Về Thủy sản

- Duy trì và phát triển mô hình Vườn - Ao - Chuồng (VAC), nâng cao hiệu quả kinh tế và cải thiện môi trường trên một đơn vị diện tích đất canh tác.

- Mạnh dạn chuyển đổi nuôi trồng thủy sản đối với vùng ruộng trũng cây lúa không hiệu quả.

- Duy trì các đối tượng nuôi chính là cá truyền thống như: cá chép, trắm cỏ, trôi ần, mè vinh (chiếm 60%); cá rô phi đơn tính (10%); tôm càng xanh (3%); thủy đặc sản (2%); cá nước lạnh (2%); cá khác (23%); đồng thời thực hiện công nghệ nuôi thâm canh, bán thâm canh để có giá trị sản lượng cao hơn.

b) Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Phát triển nhanh và vững chắc các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, luôn coi trọng quy trình sản xuất sạch, hiệu quả. Khai thác và sử dụng

bền vững tài nguyên thiên nhiên và các tiềm năng, lợi thế của huyện để đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Phát triển công nghiệp - xây dựng trên cơ sở đổi mới công nghệ, tập trung vào công nghiệp phục vụ sản xuất và công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp mũi nhọn có chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh cao; có biện pháp thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp. Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đến năm 2020 (theo giá so sánh 2010) đạt 238,13 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt 544,78 tỷ đồng; đến năm 2020 (theo giá hiện hành) đạt 367,05 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt 952,04 tỷ đồng.

c) Ngành dịch vụ

- Bảo đảm phát triển đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phục vụ trong các ngành kinh tế, nâng cao đời sống người dân.

- Khai thác hiệu quả mạng lưới giao thông liên xã, Tỉnh lộ 681 và Quốc lộ 14C, đẩy mạnh lưu thông hàng hóa với thị xã Gia Nghĩa, huyện Đắk R'lấp, Đắk Song và các huyện giáp ranh thuộc tỉnh Bình Phước.

- Từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại, hình thành vùng kinh tế thương mại biên giới tại cửa khẩu Bu Prăng và khu vực Đắk Buk So.

2.2. Điều chỉnh, bổ sung định hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Phát triển giáo dục - đào tạo

Đẩy mạnh phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao trình độ dân trí đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao trình độ, chất lượng đội ngũ cán bộ, phấn đấu đến 2020 có ít nhất 60% giáo viên đạt trên chuẩn, đến năm 2025 có 80% giáo viên mầm non, 100% giáo viên tiểu học đạt trình độ cao đẳng trở lên, 100% giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông đạt trình độ đại học trở lên, 100% cán bộ quản lý được đào tạo bồi dưỡng chương trình quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác phổ cập mầm non, đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi học mẫu giáo được đến trường đạt 100%. Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục - đào tạo theo hướng đa dạng hoá các loại hình trường học và nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội.

b) Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Tăng cường đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng Bệnh viện đa khoa huyện Tuy Đức, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Phấn đấu đến năm 2020, Bệnh viện đa khoa huyện Tuy Đức có quy mô 100 giường bệnh, tiếp nhận khám chữa bệnh trên 200 lượt người/ngày, điều trị nội trú đạt trên 100 lượt người/ngày, công suất sử dụng giường bệnh đạt trên 85%, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh đạt trên 80%; xây dựng mạng lưới y tế cơ sở, đến năm 2020 đạt 100% số xã có trạm y tế, có trên 95% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, trên 95% trạm y tế xã có bác sỹ, 100% số trạm y tế có vườn thuốc nam.

- Chú trọng công tác kiểm soát dịch bệnh, triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Phần đầu đến năm 2020, các chỉ tiêu y tế đạt và vượt chỉ tiêu như: không có dịch bệnh lớn xảy ra, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng 8 loại vắc xin đạt trên 90%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (tuổi/cân nặng) giảm còn dưới 20%, tuổi thọ trung bình đạt trên 72 tuổi.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình; tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

c) Phát triển văn hoá - thể dục thể thao và phát thanh truyền hình

*** Về Văn hóa**

Đến năm 2020, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 78%; thôn, bon văn hóa đạt 76,5%; cơ quan, đơn vị văn hóa đạt 97%; phần đầu có từ 2 xã đạt xã văn hóa. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 90%; thôn, bon văn hóa đạt 80 %; cơ quan, đơn vị văn hóa đạt 100%; phần đầu có từ 3 xã đạt tiêu chuẩn văn hóa.

*** Về Thể dục - Thể thao**

Phần đầu đến năm 2020 phong trào thể dục - thể thao trên địa bàn huyện đạt mức khá trong tỉnh và trở thành hoạt động thường xuyên; 100% số trường học trên địa bàn bảo đảm giáo dục thể chất có chất lượng.

*** Phát triển Phát thanh truyền hình**

Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng phát sóng và tiếp sóng truyền thanh, truyền hình. Tỷ lệ số hộ xem được truyền hình đến năm 2020 đạt 95% và đạt 100% vào năm 2025. Tỷ lệ số hộ được nghe đài tiếng nói Việt Nam đạt 100% vào năm 2025.

d) Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội

- Giải quyết việc làm: chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ lệ lao động ở khu vực công nghiệp và dịch vụ, đến năm 2020, trung bình mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 1.600 - 1.800 lao động.

- Xóa đói giảm nghèo: đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn 15% trong đó tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm xuống dưới 26,1% và giảm dưới 5% đến năm 2025 (tương ứng khoảng 3.000 hộ).

e) Phát triển khoa học - công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sinh học vào sản xuất nông, lâm nghiệp, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, bảo quản và chế biến nông sản, công nghệ thu hoạch và sau thu hoạch; đổi mới các máy móc thiết bị phục vụ cho công nghiệp chế biến các nông, lâm sản hàng hóa để nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao giá trị hàng hóa xuất khẩu đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

f) Sử dụng hợp lý tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường

Các ngành sản xuất đều phải có hệ thống xử lý nước thải, rác thải, tránh ô nhiễm môi trường để bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Xây dựng

hệ thống xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn tại bệnh viện. Đến năm 2020 tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 79%, đến năm 2025 tỷ lệ này đạt trên 90%.

g) Định hướng củng cố quốc phòng - an ninh

- Hoàn thiện các phương án phòng thủ, kế hoạch tác chiến trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác diễn tập phương án phòng thủ theo Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị.

- Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng lực lượng dự bị động viên bảo đảm về số lượng và chất lượng.

- Tiếp tục củng cố, xây dựng lực lượng Công an nhân dân xứng đáng là lực lượng xung kích, nòng cốt trên mặt trận bảo vệ an ninh tổ quốc.

2.3. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

a) Phát triển đô thị trung tâm huyện Tuy Đức

Bảo đảm thực hiện theo Nghị Quyết số 04/2010/NQ-HĐND ngày 06/05/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua đề án Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 17/11/2011 của Tỉnh ủy, về phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030.

b) Phát triển các khu tái định cư và điểm dân cư nông thôn

Thực hiện việc xen ghép tự giãn trong các khu dân cư hiện có và bố trí thêm quỹ đất để phát triển mở rộng một số điểm dân cư mới. Mạng lưới các điểm dân cư nông thôn được bố trí hợp lý trên cơ sở kết hợp giữa sản xuất với an ninh quốc phòng, dựa trên các điều kiện về giao thông, địa bàn sản xuất, nguồn nước, đặc biệt chú trọng mạng lưới buôn làng của đồng bào dân tộc.

c) Định hướng phát triển nông thôn mới

Đối với các xã điểm: Đến năm 2020 cơ bản hoàn thành 19 tiêu chí. Đối với các xã còn lại: Đến năm 2020, mỗi xã đạt 16 tiêu chí trở lên và đến năm 2025 cơ bản các xã đều hoàn thành 19 tiêu chí.

d) Tổ chức sắp xếp lại các đơn vị hành chính gắn với bố trí lại dân cư trên địa bàn

- Chia tách và thành lập mới đơn vị hành chính cấp xã:

+ Chia tách, thành lập mới đơn vị hành chính xã Quảng Tân thành 02 xã (01 Xã cũ, 01 xã mới).

+ Chia tách, thành lập mới đơn vị hành chính xã Đắk Ngo thành 02 xã (01 Xã cũ, 01 xã mới).

+ Chia tách, thành lập mới đơn vị hành chính xã Đắk Buk So (01 xã mới, 01 thị trấn) và xã Quảng Trục (01 xã cũ, 01 xã mới tách ra từ xã cũ).

- Đến cuối năm 2020, trên địa bàn huyện Tuy Đức có 01 thị trấn và 09 xã.

2.4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Phát triển hệ thống giao thông

Xây dựng mạng lưới đường bộ hợp lý, liên hoàn, thông suốt bao gồm các trục dọc, trục ngang, các đường nan quạt từ trung tâm huyện lỵ đi các nơi và hệ thống đường giao thông nông thôn cho phép ô tô về tận trung tâm các xã, cụm xã trong huyện. Phát huy thế mạnh của các đường trục, đường nối phục vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện.

b) Phát triển hệ thống thủy lợi

Đầu tư nâng cấp, sửa chữa cho các công trình thủy lợi bị xuống cấp, kiên cố hóa hệ thống kênh mương. Tập trung xây dựng hoàn thành các công trình thủy lợi trọng điểm đang và dự kiến triển khai đầu tư xây dựng, bảo đảm nguồn nước tưới cho cây trồng.

c) Phát triển hệ thống cấp điện

- Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng dọc trung tâm thị trấn và trung tâm xã.

- Xây dựng thêm các đường dây hạ thế, trạm biến áp tại các xã, phấn đấu đến hết năm 2020 các xã đều có điện, tỷ lệ số hộ được sử dụng điện đạt 94%, 100% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia và đến năm 2025 tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%.

- Giai đoạn 2016 - 2020, xây dựng mới 1 trạm biến áp 110 kV/22kV tại trung tâm huyện, công suất 1x25 MVA và cải tạo hệ thống điện lưới trung gian để phân phối cho các trạm hạ áp của các xã trong huyện.

d) Phát triển hệ thống cấp, thoát nước

- Đến năm 2020 có 79% hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, đến năm 2025 số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh trên 90%.

- Cấp nước sinh hoạt đô thị: xây dựng 1 nhà máy cung cấp nước sạch, được khai thác từ nguồn nước ngầm thông qua công trình giếng khoan, công suất 1.000 - 1.500m³/ngày đêm. Nâng cấp và mở rộng để đến năm 2020 đạt công suất 3.500m³/ngày đêm.

- Cấp nước nông thôn: Tiếp tục đầu tư các dự án nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo hướng xây dựng các công trình cấp nước tập trung quy mô 300 - 500 m³/ngày đêm tại trung tâm xã, thị tứ.

e) Thông tin liên lạc

Tăng dung lượng truyền dẫn, phát sóng để bảo đảm chất lượng dịch vụ, tăng tốc độ kết nối. Phát triển hệ thống cáp quang xuống các xã. Đến năm 2020 mật độ điện thoại đạt 5 máy điện thoại/100 dân; hoàn thiện, nâng cấp để 100% xã có hệ thống truyền thanh tốt.

2.5. Định hướng sử dụng đất

a) Định hướng sử dụng đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 khoảng 104.308,85 ha, trong đó đất trồng cây lâu năm là 45.926,93 ha, đất trồng rừng phòng hộ là 10.706 ha, đất trồng rừng sản xuất là 42.637,46 ha, đất nuôi trồng thủy sản là 330,88 ha.

b) Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2020 khoảng 7.746,4 ha, trong đó: Đất phát triển hạ tầng là 2.657,09 ha, đất quốc phòng là 1.582,71 ha, đất khu, cụm công nghiệp là 39,4 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp là 80,7 ha, đất dành cho tôn giáo tín ngưỡng là 9,82 ha...

c) Định hướng sử dụng đất đô thị

Diện tích đất được cấp trên phân bổ đến năm 2020 là 917 ha, đây là toàn bộ diện tích thị trấn của huyện Tuy Đức sau khi chia tách.

d) Định hướng sử dụng đất du lịch

Diện tích đất được cấp trên phân bổ đến năm 2020 là 421,6 ha, bao gồm các khu nghỉ dưỡng, dã ngoại, các làng văn hóa dân tộc và một số di tích lịch sử.

e) Định hướng sử dụng đất khu dân cư

Diện tích đất khu dân cư định hướng đến năm 2020 là 6.950,48 ha.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Giải pháp phát triển kinh tế

a) Nông nghiệp

- Xây dựng cơ chế quản lý khoa học, nâng cao hiệu quả chuyển giao khoa học công nghệ cho nông dân; gắn kết các nhà khoa học với doanh nghiệp và người sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác khảo nghiệm, chọn tạo và nhân giống các loại cây, con có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao và thích hợp với từng tiểu vùng sinh thái của huyện.

- Ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ vào thâm canh, phòng trừ sâu bệnh, bảo quản và chế biến sau thu hoạch nhằm nâng cao năng suất và chất lượng nông sản.

b) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Nhanh chóng đổi mới công nghệ đối với những doanh nghiệp sản xuất công nghiệp sử dụng máy móc thiết bị cũ.

- Xây dựng chính sách khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

- Hỗ trợ doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận với thông tin và công nghệ mới. Hỗ trợ trong khâu tiếp thị, xúc tiến thương mại, nâng cao khả năng cạnh

tranh các sản phẩm của mình bằng cách áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, PMG,... và các tiêu chuẩn quản lý chất lượng khác theo đặc điểm ngành nghề.

c) Thương mại – Dịch vụ

- Khuyến khích hình thành các Hợp tác xã thương mại - dịch vụ tổng hợp, hoạt động có hiệu quả, từng bước thu hút người dân tham gia.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư, kinh doanh các lĩnh vực lợi thế của huyện.

- Tăng cường thông tin về sản phẩm, giá cả, thị trường, phát triển mạng Internet. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu.

3.2. Giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

a) Giao thông

- Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, thực hiện lồng ghép, hợp nhất các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu Quốc gia, kế hoạch xây dựng cơ bản.

- Xây dựng mạng lưới giao thông đồng bộ, hợp lý, hiện đại; kết nối liên hoàn với hệ thống giao thông đối ngoại, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các khu vực với nhau, giữa đô thị và nông thôn.

- Tăng cường công tác bảo trì, bảo đảm khai thác hiệu quả, bền vững kết cấu hạ tầng giao thông hiện có. Xây dựng hệ thống vận tải phát triển theo hướng hiện đại, chất lượng, chi phí hợp lý, an toàn, hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng.

b) Thủy lợi

- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đã có để phát huy hiệu quả đầu tư.

- Xây dựng bổ sung thêm các công trình thủy lợi mới đáp ứng nhu cầu nước tưới tại các khu vực cần thiết.

- Khuyến khích nhân dân phát triển các trạm bơm lấy nước từ sông, suối, hồ đập,... để tưới cho những diện tích chưa có hệ thống thủy lợi.

- Đẩy nhanh tiến độ bê tông hóa hệ thống thủy lợi, hạn chế tối đa lượng nước thất thoát và sử dụng nguồn nước một cách tiết kiệm nhất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước.

c) Cấp điện

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống điện lưới đến các vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc ít người, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, phục vụ cho sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt của nhân dân.

- Từng bước cải tạo, nâng cấp hệ thống mạng lưới điện theo hướng hiện đại. Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đường phố, các khu công cộng, khu thương mại, dịch vụ,...

- Đầu tư xây dựng và củng cố các đơn vị dịch vụ cung cấp điện hoạt động đúng hướng, phục vụ tốt các đối tượng sử dụng điện.

d) Cấp, thoát nước

- Đẩy mạnh xây dựng công trình mới, vừa nâng cấp, duy tu những công trình hiện có bảo đảm nhu cầu sử dụng trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý các công trình cấp nước, phấn đấu hình thành các mô hình quản lý có sự tham gia của người dùng nước. Quản lý nước mặt đi đôi với quản lý nước ngầm và tổ chức phân phối hợp lý, sử dụng nguồn nước đạt hiệu quả tốt nhất.

- Xây dựng hệ thống các đường cống nhỏ thu gom nước thải đồng nhất trong khu dân cư, bảo đảm thông thoát nước.

e) Cơ sở hạ tầng văn hóa, xã hội:

Chú trọng đầu tư, nâng cấp hoàn thiện đưa vào sử dụng hiệu quả các công trình văn hóa, chú trọng đầu tư các công trình giáo dục, y tế.

3.3. Giải pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng chính sách phù hợp chuyển đổi ngành nghề cho lao động nông nghiệp ở các khu vực chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng khác.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo và thu hút nguồn nhân lực.

- Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực đào tạo, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo cho lực lượng lao động.

- Tăng cường hỗ trợ giáo dục, đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt chế độ chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc, chế độ chính sách cho người dạy và người học ở vùng khó khăn.

3.4. Giải pháp xây dựng phương án phát triển khoa học công nghệ

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là đưa các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, công nghệ sinh học, các giống cây trồng vật nuôi mới tới các hộ nông dân, đồng bào dân tộc để họ có thể tiếp cận, thực nghiệm áp dụng trực tiếp vào sản xuất kinh doanh và đời sống sinh hoạt hàng ngày.

- Tăng cường mối liên hệ với các cơ quan khoa học trong và ngoài nước nhằm thu hút và chuyển giao công nghệ mới như: Liên kết với Viện Khoa học Nông Lâm Nghiệp Tây Nguyên, Viện Công nghệ sinh học - Đại học Tây Nguyên. Tăng cường vai trò liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học và doanh

ngành trong ứng dụng chuyên giao tiến bộ khoa học công nghệ vào các ngành, lĩnh vực.

3.5. Giải pháp để huy động vốn và thực hiện

a) Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước:

- Tranh thủ nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đầu tư các dự án trên địa bàn theo kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm hay kế hoạch đột xuất của Trung ương và của tỉnh đối với các dự án theo thẩm quyền phân cấp quản lý.

- Phần vốn ngân sách tỉnh cấp bổ sung huyện qua nguồn xây dựng cơ bản tập trung vào các chương trình mục tiêu, hỗ trợ hạ tầng du lịch, dịch vụ. Nguồn vốn thu hút bên ngoài sẽ được ưu tiên đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, phát triển cụm công nghiệp và tập trung chủ yếu để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng biên giới và các xã đặc biệt khó khăn.

- Phần vốn ngân sách huyện (thu qua cấp quyền sử dụng đất) sẽ được đầu tư trở lại cho việc tạo quỹ đất và chủ yếu được tập trung để chỉnh trang đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật.

b) Huy động vốn khu vực dân doanh

- Thu hút tối đa nguồn vốn từ khu vực dân doanh thông qua việc tạo điều kiện để hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, trang trại và các hộ gia đình tự do tham gia sản xuất, kinh doanh trên cơ sở định hướng và quy hoạch phát triển của địa phương.

- Khuyến khích khu vực dân doanh tham gia đầu tư phát triển cơ sở sản xuất, phát triển tiểu thủ công nghiệp và tham gia hợp tác giữa hai khu vực kinh tế công và dân doanh trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa để tạo ra các dịch vụ công và hạ tầng kinh tế - xã hội tốt hơn nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của huyện.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế, đầu tư phát triển các doanh nghiệp tư nhân. Huy động vốn ứng trước của dân và doanh nghiệp cho đầu tư cơ sở hạ tầng, trước hết cho việc cung cấp điện và cung cấp nước.

c) Vốn của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư

- Thu hút tối đa các nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Nguồn vốn tích lũy tái đầu tư từ các doanh nghiệp: Mức vốn này có khả năng tăng do số lượng các doanh nghiệp tăng, cùng với những giải pháp tận dụng công suất máy móc, thiết bị nhà xưởng, sử dụng hiệu quả sức lao động, giảm chi phí nguyên liệu, tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh khả năng tiêu thụ sản phẩm, nâng tỷ lệ khấu hao trong giá thành phù hợp để có thể thu hồi nguồn vốn nhanh.

d) Vốn vay

- Xây dựng các dự án trọng điểm để được vay từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng của Tỉnh, Trung ương và các tổ chức quốc tế.

- Các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn cần cải tiến thủ tục cho vay, tạo điều kiện thuận lợi đối với mọi thành phần kinh tế trong việc cho vay đầu tư phát triển và cho các mục đích khác. Đẩy mạnh hình thức cho vay tín chấp thông qua các tổ chức hành chính, kinh tế, xã hội, cộng đồng để tạo điều kiện thuận lợi cho những cá nhân không có điều kiện thế chấp vẫn vay được vốn phát triển sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng các chính sách đầu tư hợp lý đối với các ngành, trong đó cần tập trung đầu tư vào nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ tùy theo tình hình cụ thể để áp dụng giải pháp đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp.

3.6. Các giải pháp khác

- Giải pháp quy hoạch sử dụng đất và chính sách đất đai: Tiến hành phân tích mẫu đất, xác định và khuyến cáo đến người nông dân về định hướng phát triển cây trồng với mục tiêu xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, ổn định các loại cây trồng. Hạn chế phát triển tự phát các loại cây trồng, giảm thiểu rủi ro trong sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích tập trung đất đai để áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, xây dựng các khu sản xuất hàng hóa tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Giải pháp quản lý bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu: Sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, nâng cao độ che phủ của rừng, đồng thời triển khai tích cực công tác bảo đảm điều hòa nguồn nước và bảo vệ đất, giảm xói mòn, rửa trôi. Sử dụng các chế phẩm sinh học và các quy trình quản lý dịch bệnh tự nhiên nhằm giảm mất cân bằng sinh thái môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

UBND huyện Tuy Đức chịu trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch rộng rãi trong quần chúng nhân dân theo quy định; phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện và quản lý quy hoạch theo đúng quy định. Đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, huy động nhiều nguồn vốn đầu tư để thực hiện nội dung quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, TH, KTKH. 36

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bón